

**Phụ lục I: BÁO CÁO CÔNG KHAI TÌNH HÌNH PHÂN BỐ KINH PHÍ KHOẢN CHO
CÁC ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC NĂM 2023 (Đến ngày 11/05/2023)
(Đính kèm Công văn số 607/TCKT3 ngày 19 tháng 05 năm 2023 của Vụ TCKT)**

Triệu đồng

S TT	Đơn vị	Tổng kinh phí giao khoán năm 2023
1	2	3
1	Sở Giao Dịch	14.105
2	NHNN CN An Giang	6.637
3	NHNN CN BR Vũng Tàu	11.481
4	NHNN CN Bạc Liêu	5.294
5	NHNN CN Bắc Cạn	5.886
6	NHNN CN Bắc Giang	5.952
7	NHNN CN Bắc Ninh	7.539
8	NHNN CN Bến Tre	4.989
9	NHNN CN Bình Dương	6.316
10	NHNN CN Bình Định	9.157
11	NHNN CN Bình Phước	5.423
12	NHNN CN Bình Thuận	5.630
13	NHNN CN Cà Mau	5.218
14	NHNN CN Cao Bằng	5.572
15	NHNN CN TP Cần Thơ	9.106
16	NHNN CN TP Đà Nẵng	10.364
17	NHNN CN Đắk Lắk	8.166
18	NHNN CN Đắk Nông	6.379
19	NHNN CN Điện Biên	5.734
20	NHNN CN Đồng Nai	7.149
21	NHNN CN Đồng Tháp	5.188
22	NHNN CN Gia Lai	6.387
23	NHNN CN Hà Giang	6.572
24	NHNN CN Hà Nam	6.734
25	NHNN CN TP Hà Nội	19.437
26	NHNN CN Hà Tĩnh	6.604
27	NHNN CN Hải Dương	7.912
28	NHNN CN TP Hải Phòng	8.883
29	NHNN CN Hậu Giang	5.337
30	NHNN CN Hòa Bình	6.686
31	NHNN CN TT Huế	6.193
32	NHNN CN Hưng Yên	6.531
33	NHNN CN Kiên Giang	6.900
34	NHNN CN Kon Tum	5.864
35	NHNN CN Khánh Hòa	6.325
36	NHNN CN Lai Châu	6.132

S TT	Đơn vị	Tổng kinh phí giao khoán năm 2023
1	2	3
37	NHNN CN Lạng Sơn	5.881
38	NHNN CN Lào Cai	6.844
39	NHNN CN Lâm Đồng	6.793
40	NHNN CN Long An	6.861
41	NHNN CN Nam Định	7.647
42	NHNN CN Ninh Bình	6.349
43	NHNN CN Ninh Thuận	5.130
44	NHNN CN Nghệ An	9.960
45	NHNN CN Phú Thọ	7.708
46	NHNN CN Phú Yên	4.920
47	NHNN CN Quảng Bình	6.004
48	NHNN CN Quảng Nam	5.749
49	NHNN CN Quảng Ninh	7.492
50	NHNN CN Quảng Ngãi	5.735
51	NHNN CN Quảng Trị	6.206
52	NHNN CN Sóc Trăng	5.228
53	NHNN CN Sơn La	6.739
54	NHNN CN Tây Ninh	5.699
55	NHNN CN Tiền Giang	5.769
56	NHNN CN TP HCM	24.727
57	NHNN CN Tuyên Quang	6.275
58	NHNN CN Thái Bình	8.593
59	NHNN CN Thái Nguyên	6.587
60	NHNN CN Thanh Hóa	7.908
61	NHNN CN Trà Vinh	5.738
62	NHNN CN Vĩnh Long	5.909
63	NHNN CN Vĩnh Phúc	8.012
64	NHNN CN Yên Bái	7.285
65	Cục CN Thông tin	15.599
66	Cục Quản trị	198.036
67	Chi cục Quản trị	24.973
68	Chi cục CN thông tin	3.202
69	Chi cục PHKQ	8.701
70	Cơ quan TTGS Ngân hàng	61.280
71	Cục PHKQ	17.604
	Tổng cộng	796.914

Ghi chú: Số đã giao cho các đơn vị đã bao gồm chi cho CBCC, chi QLCV, chi BDSC, Chi mua sắm CCLĐ, chi khác, chi khen thưởng phúc lợi; không bao gồm số đã giao dự toán các công trình sửa chữa lớn